CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị

Ngày 30/06/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**-5.3%**

DT thuần
Q2/25
5.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04| 0.8%
YoY: ▼0.02| -0.3%

LN thuần
Q2/25
0.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.66| 301%
YoY: ▲ 1.65| 137%

LN sau thuế
Q2/25
0.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.66| 301%
YoY: ▲ 1.65| 137%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
7.9%
YoY: +/-▲ 11.9%

ROE (TTM)
Q2/25
0.2%
YoY: +/-▲ 0.8%

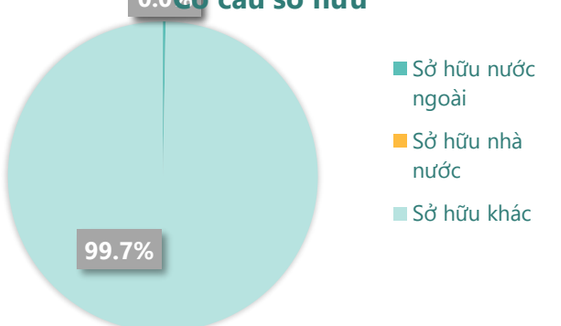
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,400 - 2,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
Số lượng CPLH (CP)	31,504,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,605
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.02
EPS	16
P/E	109.9

DT thuần
6T 2025
11.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.20| -2.2%

LN thuần
6T 2025
0.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.30| 111%

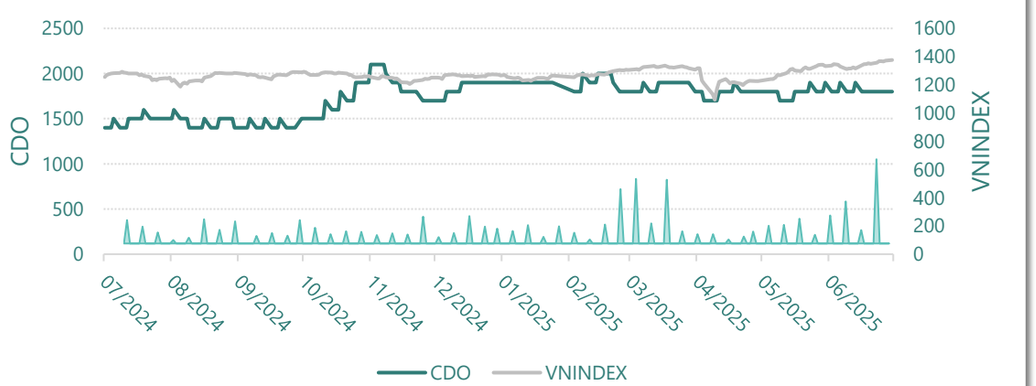
LN sau thuế
6T 2025
0.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.38| 110%

Cơ cấu sở hữu

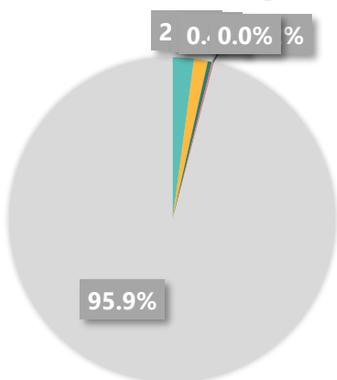


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

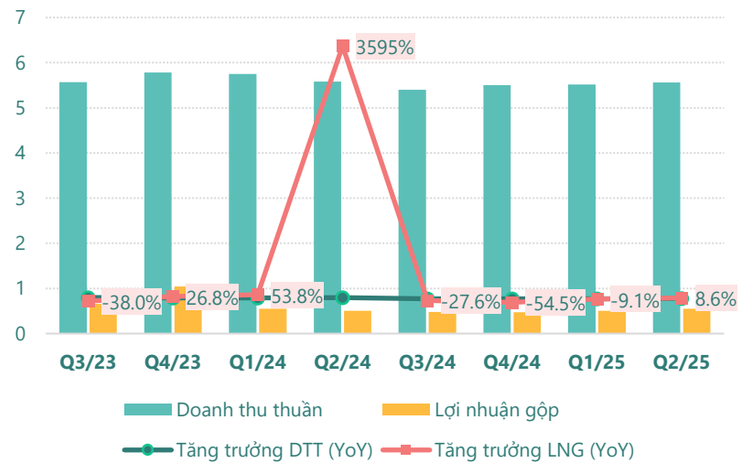


- Vũ Đình Nhân (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Kim Thu
- Nguyễn Đức Tuấn
- Vũ Đình Nghĩa
- Vũ Thị Thuỳ Vân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

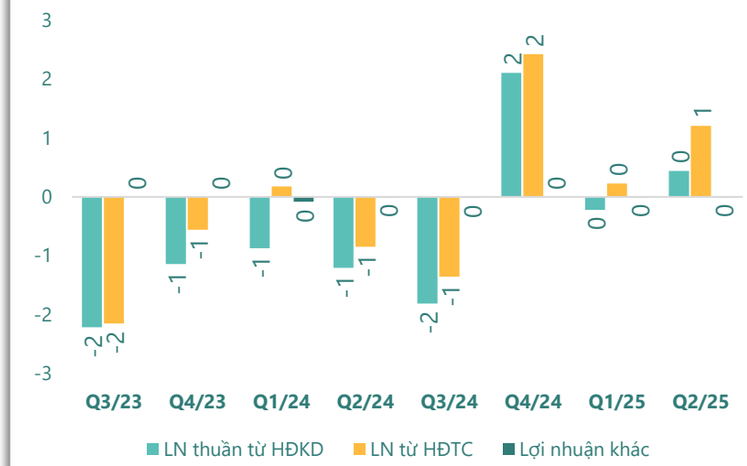
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



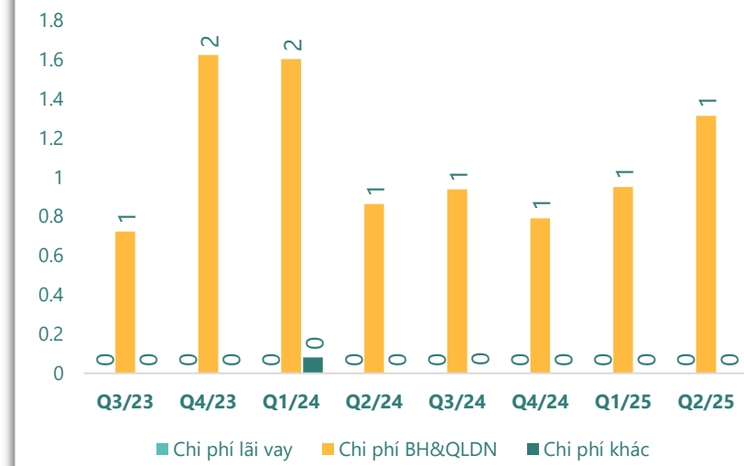
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



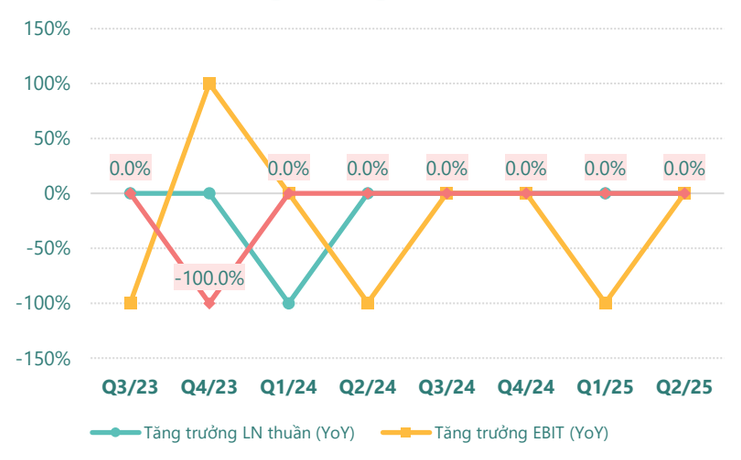
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



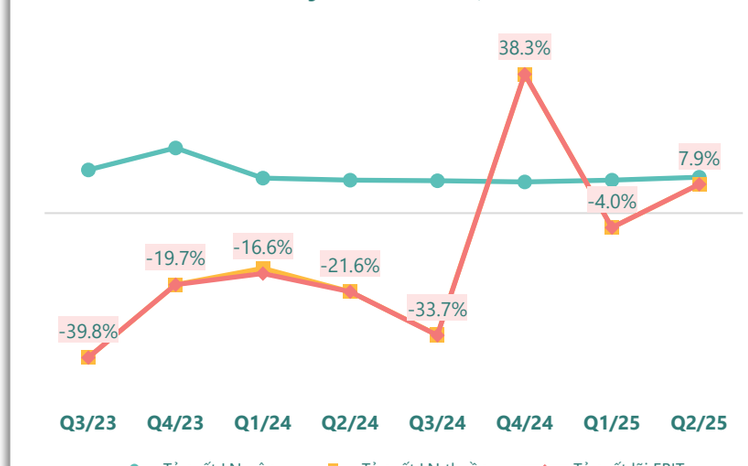
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



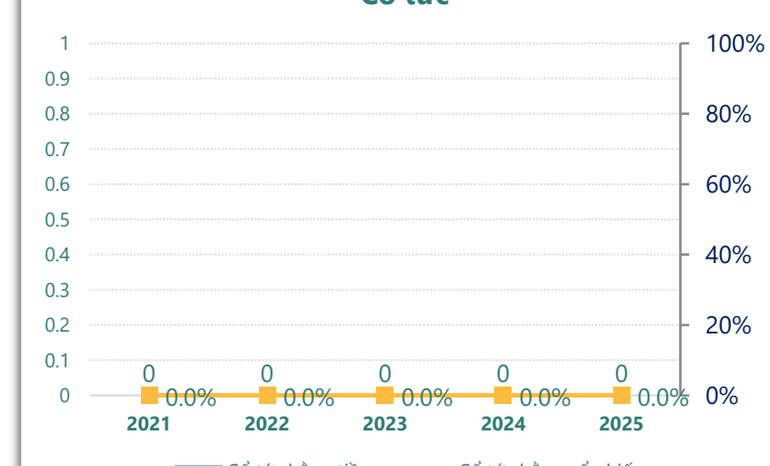
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

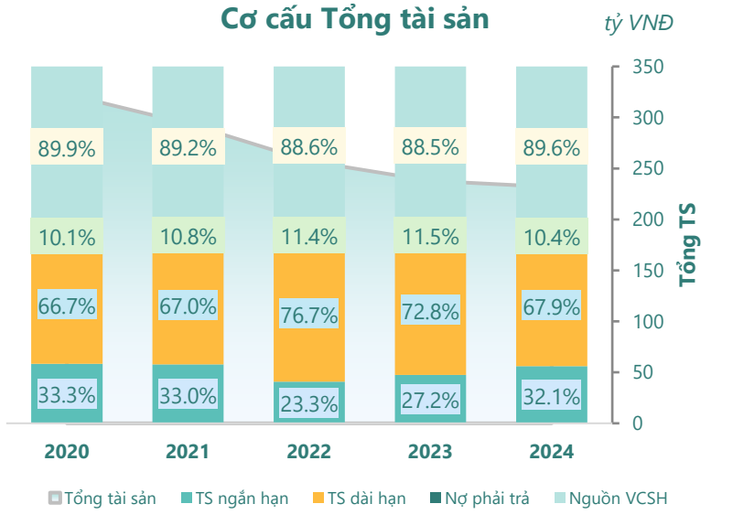
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

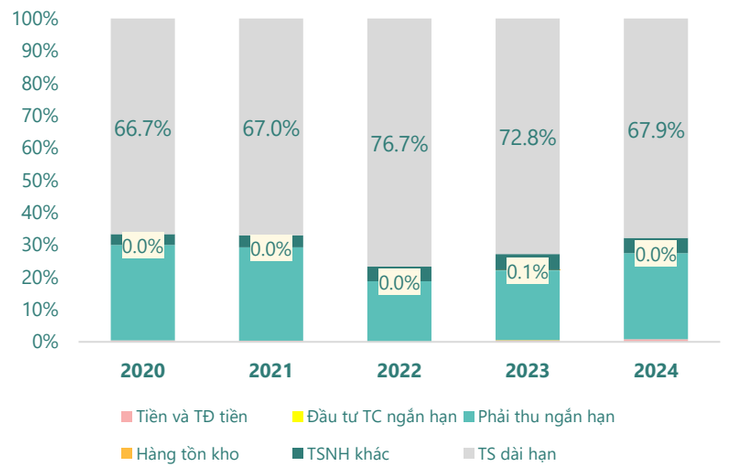
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



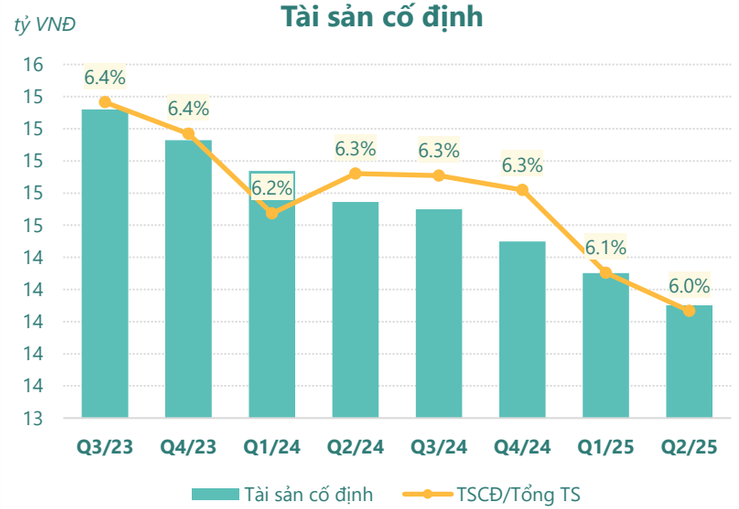
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



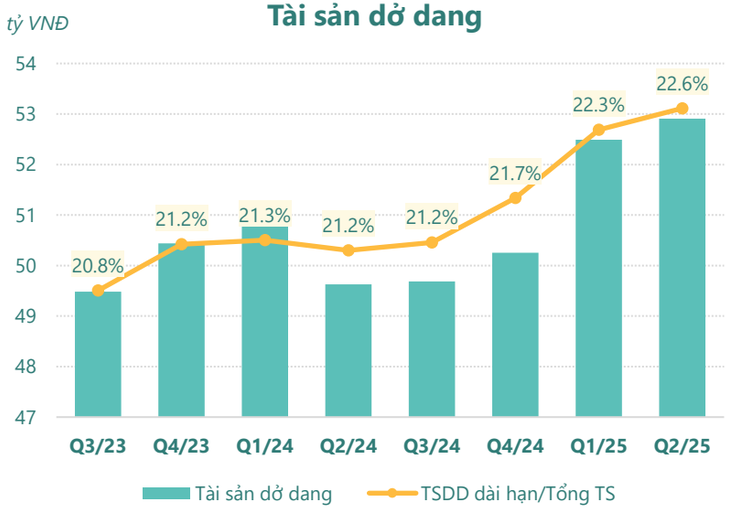
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



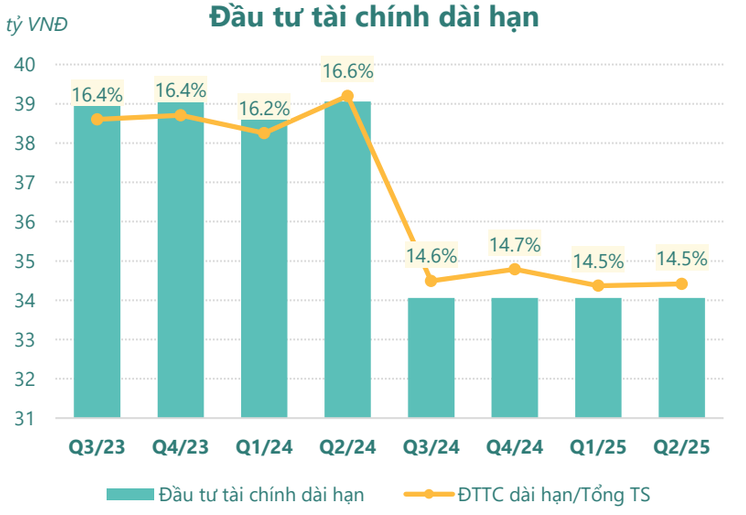
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



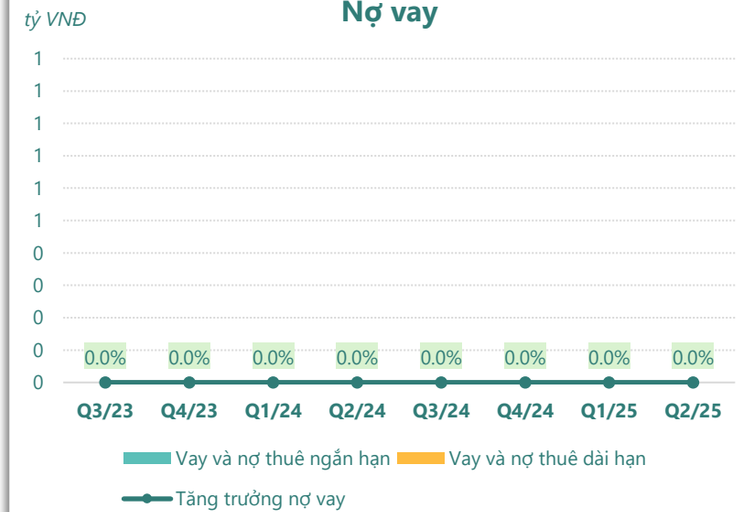
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

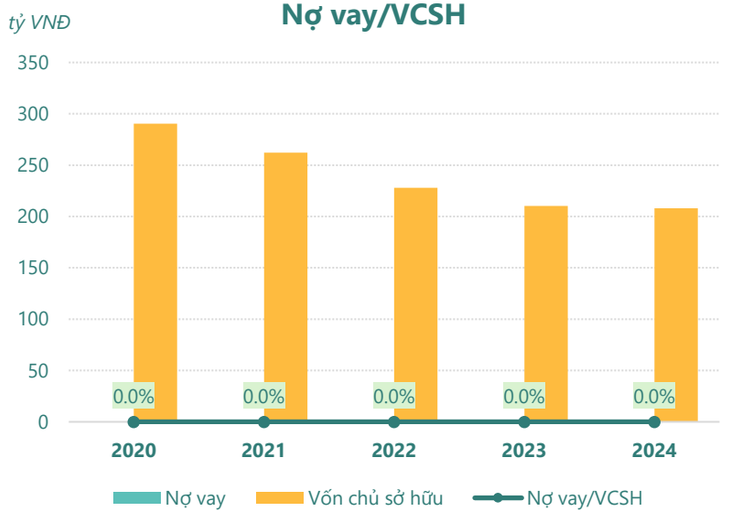
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

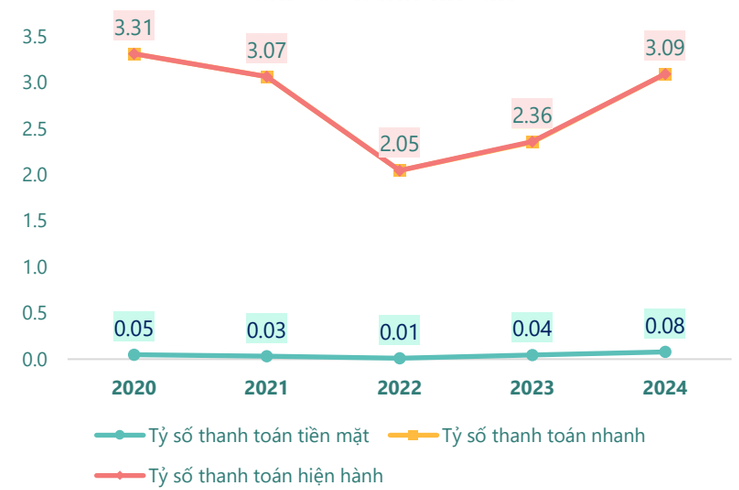
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



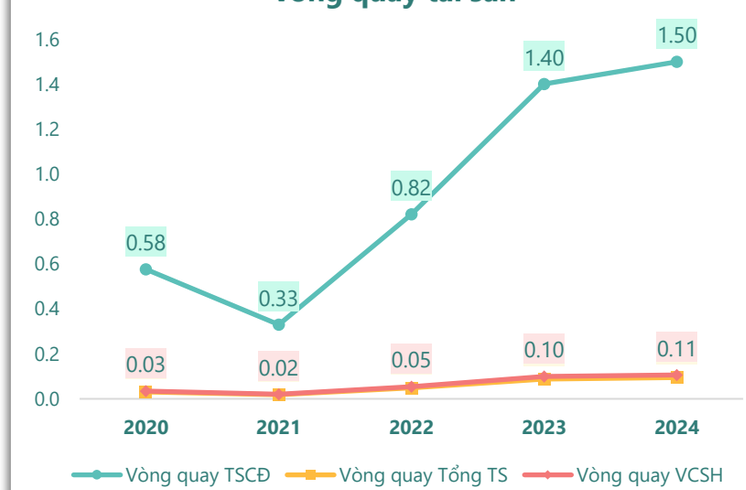
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



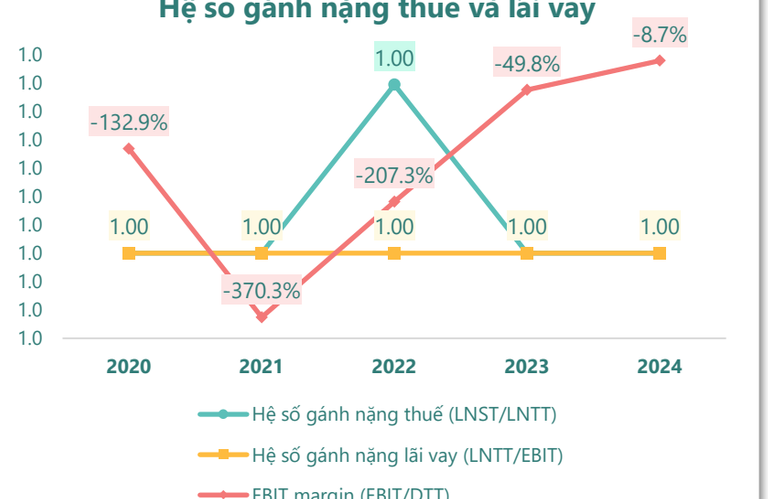
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



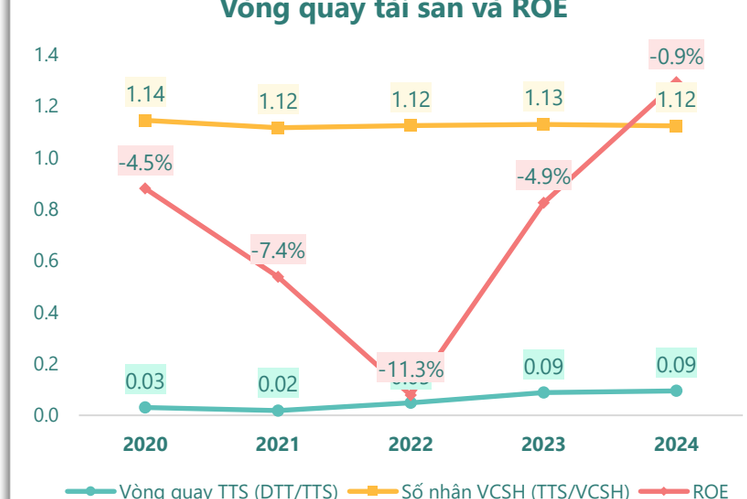
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



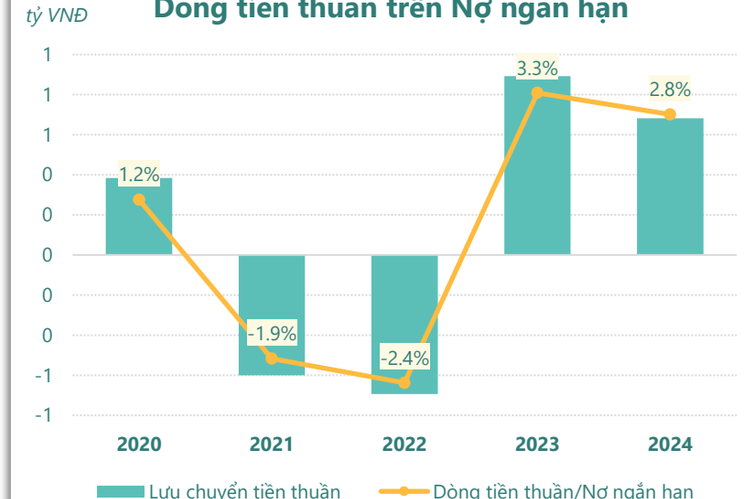
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.56**	**5.58**	**-0.3%**	**11.1**	**11.3**	**-2.2%**
Giá vốn hàng bán	5.01	5.08	-1.3%	10.0	10.3	-2.4%
Lợi nhuận gộp	0.55	0.51	7.7%	1.05	1.06	-0.7%
Doanh thu HĐTC	1.30	1.63	-20.4%	1.89	3.38	-44.0%
Chi phí TC	0.09	2.48	-96.3%	0.46	4.05	-88.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.31**	**0.86**	**52.7%**	**2.26**	**2.47**	**-8.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.44	-1.21	137%	0.22	-2.08	111%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**-0.08**	**99.4%**
LN trước thuế	0.44	-1.21	137%	0.22	-2.16	110%
Lợi nhuận sau thuế	**0.44**	**-1.21**	**137%**	**0.22**	**-2.16**	**110%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.44**	**-1.21**	**137%**	**0.22**	**-2.16**	**110%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.70	-2.80	-3.46	0.07	3.67	-0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.72	1.53	4.94	-0.57	-2.24	-0.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.19	2.18	0.90	2.39	1.89	3.31
Lưu chuyển tiền thuần	**0.99**	**-1.28**	**1.48**	**-0.50**	**1.43**	**-0.80**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.18	0.90	2.39	1.89	3.31	2.52

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**235**	**232**	**1.1%**
Tài sản ngắn hạn	79.7	74.4	7.1%
Tiền và tương đương tiền	2.52	1.89	33.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	66.2	61.6	7.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	10.9	1.1%
Tài sản dài hạn	**155**	**157**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	53.7	58.6	-8.4%
Tài sản cố định	14.1	14.5	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	52.9	50.3	5.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.1	34.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0.04	0.05	-19.4%
Nợ phải trả	23.1	24.1	-4.0%
Nợ ngắn hạn	**23.1**	**24.1**	**-4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.43	5.39	0.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**211**	**208**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**211**	**208**	**1.7%**
Vốn điều lệ	315	315	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)